

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)  
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)  
Số trẻ: 31

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

**Thực đơn:**  
Sáng: Bún nấu cua đồng, đậu hũ non, cà chua, rau muống, húng quế  
- Uống sữaNetsure  
Trưa: Cơm trắng  
- Cá lóc kho tộ, nước dừa tươi, hành lá  
- Canh tôm khô nấu khoai mì, ngò gai  
Xế: Nước tắc  
Xế chiều: Bánh canh nấu mực, củ cải, hành tây, cải caron, hành lá, ngò rí, hành phi

| Stt      | Mã hàng | Tên thực phẩm            | Khối lượng thực (g) | Đơn giá (đồng/100g) | Thành tiền (đồng) |
|----------|---------|--------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|
|          | * CHỢ   |                          |                     |                     |                   |
| 1        | 0695    | Dầu thực vật Tường An    | 550                 | 3,140               | 17,270            |
| 2        | 0494    | Đường cát                | 300                 | 3,880               | 11,640            |
| 3        | 0523    | Nước mắm loại I          | 200                 | 4,400               | 8,800             |
| 4        | N0966   | Muối Iot                 | 200                 | 740                 | 1,480             |
| 5        | 0004    | Gạo tẻ máy               | 2,000               | 2,560               | 51,200            |
| 6        | 0120    | Hành lá (hành hoa)       | 100                 | 5,460               | 5,460             |
| 7        | 0164    | Rau mùi (ngò rí)         | 50                  | 8,930               | 4,465             |
| 8        | N0821   | Đậu hũ non (đậu phụ non) | 200                 | 8,066.7             | 16,133            |
| 9        | 0653    | Bún khô                  | 400                 | 4,950               | 19,800            |
| 10       | 0087    | Cà chua                  | 300                 | 7,880               | 23,640            |
| 11       | 0158    | Rau húng                 | 50                  | 11,030              | 5,515             |
| 12       | 0748    | Rau muống                | 100                 | 3,570               | 3,570             |
| 13       | 0407    | Cua đồng                 | 500                 | 19,950              | 99,750            |
| 14       | 0537    | Nước dừa non tươi        | 500                 | 3,890               | 19,450            |
| 15       | N0793   | Cá lóc phi lê (cá quả)   | 2,000               | 20,060              | 401,200           |
| 16       | 0426    | Tôm khô                  | 100                 | 78,100              | 78,100            |
| 17       | 0027    | Củ sắn (khoai mì)        | 1,000               | 2,630               | 26,300            |
| 18       | 0165    | Rau mùi tàu (ngò gai)    | 50                  | 6,510               | 3,255             |
| 19       | 0258    | Quả quất (tắc)           | 200                 | 4,730               | 9,460             |
| 20       | N0753   | Bánh canh                | 400                 | 2,860               | 11,440            |
| 21       | 0098    | Cải xanh                 | 100                 | 5,360               | 5,360             |
| 22       | 0103    | Củ cải trắng             | 200                 | 3,150               | 6,300             |
| 23       | 0121    | Hành tây                 | 100                 | 3,680               | 3,680             |
| 24       | 0632    | Mực ống                  | 500                 | 36,650              | 183,250           |
| 25       | 0457    | Sữa bột toàn phần        | 636.49              | 20,500              | 130,480           |
| Tổng chợ |         |                          |                     |                     | 1,146,998         |

|                                |           |
|--------------------------------|-----------|
| Tổng tiền thực phẩm            | 1,146,998 |
| Tổng chi phí khác              | 0         |
| Tiền được chi trong ngày       | 1,146,999 |
| Số dư đầu ngày                 | -1        |
| Số dư cuối ngày                | 1         |
| Suất ăn lũy kế từ đầu tháng    | 0         |
| Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng | 9,139,000 |
| Tiền chi lũy kế từ đầu tháng   | 9,138,999 |

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**CẤP DƯỠNG**

**KẾ TOÁN**

**Nguyễn Thị Huỳnh Lê**

**Nguyễn Thị Mỹ**

**Ngô Thị Ngọc Lan**